

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7- 2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mậu và ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh ngày 21/06/1997; Căn cước công dân số: 066097010032 cấp ngày 24/06/2021; Nơi cư trú: Số E đường L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (Số E đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ). Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thủy T1, sinh ngày 24/11/1998; Căn cước công dân số: 044198002317 cấp ngày 12/06/2025; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị (Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ); Hiện có địa chỉ tại: Số A, ngõ A, phố S, quận S, thành phố T, Đài Loan. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11/12/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Anh T và chị Lê Thị Thủy T1 yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 07 tháng 06 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi

nhau nhưng chưa đến mức quá trầm trọng. Đến cuối năm 2023 vợ chồng bàn bạc để anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ khi anh T qua Đài Loan làm ăn thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Sau khi anh T đi Đài Loan được khoảng 1 tháng thì chị T1 cũng đi Đài Loan làm việc. Tháng 11/2024 anh T về Việt Nam để chăm sóc con vì chị T1 đã đi nước ngoài. Anh T đã nhiều lần gọi điện thuyết phục chị T1 về để gia đình đoàn tụ, chăm sóc con nhưng chị T1 không đồng ý. Hiện tại anh T nhận thấy tình cảm không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được nên anh T xin được ly hôn chị Lê Thị Thủy T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Lê Anh D, sinh ngày 23/06/2022, hiện đang sống cùng anh T. Sau khi ly hôn anh T có nguyện được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Thanh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Thủy T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) cho chị T1. Ngày 11/6/2025 chị Lê Thị Thủy T1 về Việt Nam, ngày 12/6/2025 chị Tiên tiến H viết bản tự khai tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, chị T1 trình bày: Chị T1 và anh T yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến cuộc sống không hòa hợp. Năm 2023 anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến cuối năm 2024 thì anh T về lại Việt Nam. Trong thời gian anh T ở nước ngoài cũng như sau khi anh T về lại Việt Nam thì hai vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm, vì vậy bây giờ anh T xin ly hôn thì chị T1 cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị T1 cũng thống nhất như trình bày của anh T vợ chồng có một con chung là cháu Lê Anh D, sinh ngày 23/6/2022. Trước đây hai vợ chồng thỏa thuận để anh T nuôi con, nhưng hiện nay anh T đã đi làm ăn xa, cháu D đã về ở với gia đình chị T1, chị sẽ về Việt Nam ở để chăm sóc con, nên chị T1 xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản trình bày ngày 01/7/2025, bà Đỗ Thị Bạch L (mẹ của anh T) trình bày như sau: Vợ chồng Lê Thanh T và Lê Thị Thủy T1 có 01 đứa con chung là cháu Lê Anh D, lúc mới sinh thì cháu D ở nhà ngoại nhưng sau đó (khi anh T về nước) anh T đã đón cháu về sống tại nhà nội. Tuy nhiên hiện nay bà ngoại (mẹ chị T1) đã đón cháu về sống ở nhà ngoại. Do hiện nay anh T đã đi làm ăn xa nên anh T và gia đình bà L đều đồng ý giao cháu D cho chị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của đương sự cũng như những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên đều có đơn xin xử vắng mặt,

nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T, xử cho anh T được ly hôn chị Lê Thị Thủy T1; về con chung: Giao cháu Lê Anh D, sinh ngày 23/06/2022 cho chị T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm buộc anh T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh T có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Lê Thị Thủy T1 có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị). Tuy nhiên, tại thời điểm anh T nộp đơn xin ly hôn thì bị đơn chị Lê Thị Thủy T1 đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan. Vì vậy, đây là vụ án về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T1 thông qua Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ. Ngày 27/5/2025 Tòa án đã nhận được Công điện số: 1410-2025/CD-LS của Văn phòng K tại Đ đã thực hiện tổng đạt, đăng thông báo, niêm yết thông báo cho bị đơn nhưng chưa nhận được phản hồi nào. Tòa án đã niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án tại trụ sở Tòa án, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) theo đúng quy định. Ngày 11/6/2025 chị Lê Thị Thủy T1 về Việt Nam, ngày 12/6/2025 chị Tiên tiến H viết bản tự khai trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu khởi kiện của anh T và nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị). Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại các Điều 228, 238, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Nguyên đơn anh Lê Thanh T và bị đơn chị Lê Thị Thủy T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo đúng quy định, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả anh T và chị Thủy T1 đều thừa nhận sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng; hai người đã sống ly thân thời gian tương đối dài, đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện tại cả anh T và chị Thủy T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T xin ly hôn thì chị Thủy T1 cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T để xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Lê Thị Thủy T1 là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh Lê Thanh T và chị Lê Thị Thủy T1 có 01 đứa con chung là cháu Lê Anh D, sinh ngày 23/06/2022. Theo như trình bày của chị Thủy T1 ban đầu vợ chồng thỏa thuận để cháu D cho anh T nuôi dưỡng vì chị Thủy T1 đi nước ngoài, nhưng do hiện nay anh T đã đi làm ăn xa, cháu D cũng đã về sinh sống với gia đình chị Thủy T1. Nguyên vọng của chị Thủy T1 cũng đề nghị Tòa án giao con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, theo như bà Đỗ Thị Bạch L (mẹ anh T) trình bày thì gia đình anh T và anh T cũng đồng ý để chị Thủy T1 được chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Anh D cho chị Thủy T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Thủy T1 không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Thủy T1, nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Cả anh Lê Thanh T và chị Lê Thị Thủy T1 đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 469, 474, điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 của Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn chị Lê Thị Thủy T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Anh D, sinh ngày 23/06/2022 cho chị Lê Thị Thủy T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị

cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005251 ngày 05/02/2025 của Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân tỉnh Quảng Trị).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày và bị đơn chị Lê Thị Thủy T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án DS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ